

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 02 – 2022
V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở: Nhà không số, đường K.X, khóm 7, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở: Nhà không số, đường K.X, khóm 7, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021, biên bản hòa giải, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Ông và bà Trần Ngọc A chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, xung đột, cuộc sống không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà A.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/10/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 22/9/2001. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hòa giải, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, bà Trần Ngọc A trình bày: Về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông T trình bày. Vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn. Bà không còn tình cảm với ông T nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/10/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 22/9/2001. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Ngọc A chung sống với nhau vào năm 1994, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Ông T yêu cầu ly hôn với bà A. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà A chung sống có tổ chức cưới gả theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà A, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông T và bà A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/10/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 22/9/2001. Con chung đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà A thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung không có nợ chung. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông, bà. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Nguyễn Anh T và bà Trần Ngọc A là vợ chồng.

Về con chung: Nguyễn Anh K, sinh ngày 07/10/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 22/9/2001, con chung đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Ngọc A thống nhất xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Anh T phải nộp. Ngày 13/01/2022 ông Nguyễn Anh T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000805 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu